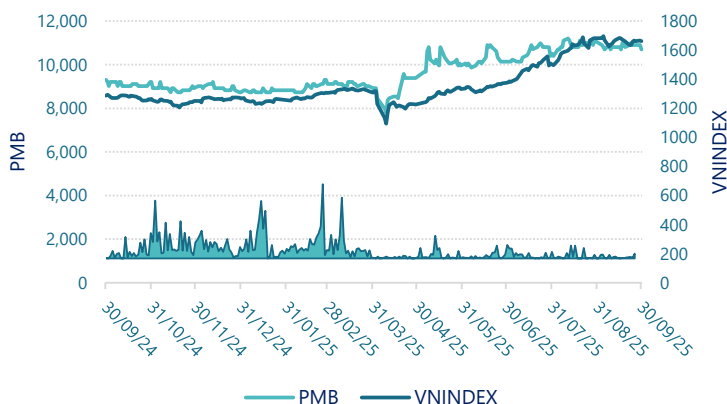


CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (HNX: PMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,795
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,115
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	128
P/E	7.8
EPS	1,381

DT thuần

Q3/25

518

tỷ VNĐ

QoQ: ▼276 | -34.7%

YoY: ▲ 23.0 | 4.7%

LN sau thuế

Q3/25

0.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.15 | -86.6%

YoY: ▲ 0.43 | 82.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.3%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

9T 2025

2,047

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 364 | 21.6%

LN sau thuế

9T 2025

16.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.69 | 67.3%

ROE

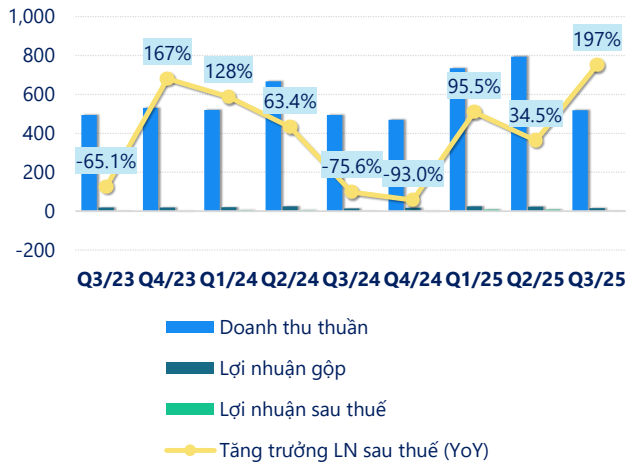
Q3/25

11.4%

+/- YoY: ▲ 5.1%

tỷ VNĐ

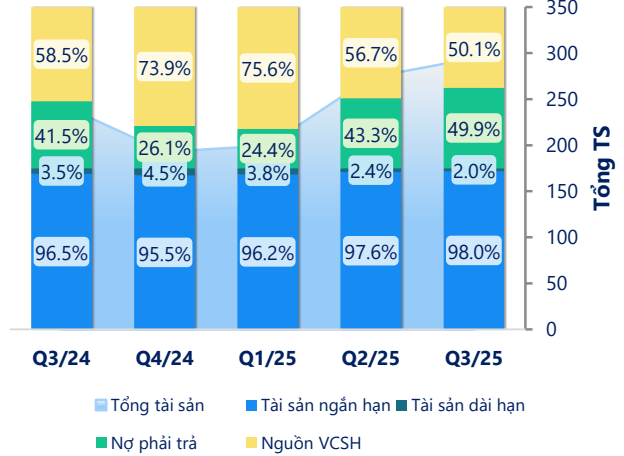
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

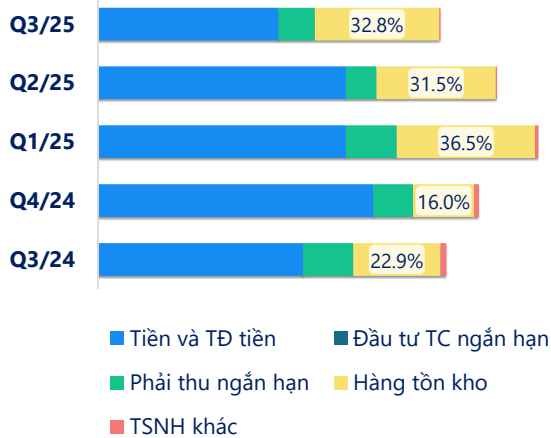
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



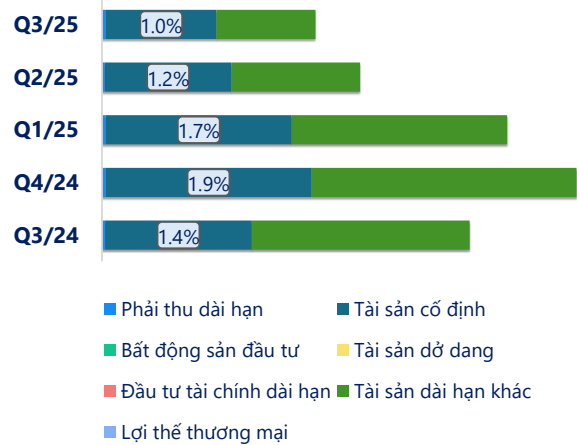
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

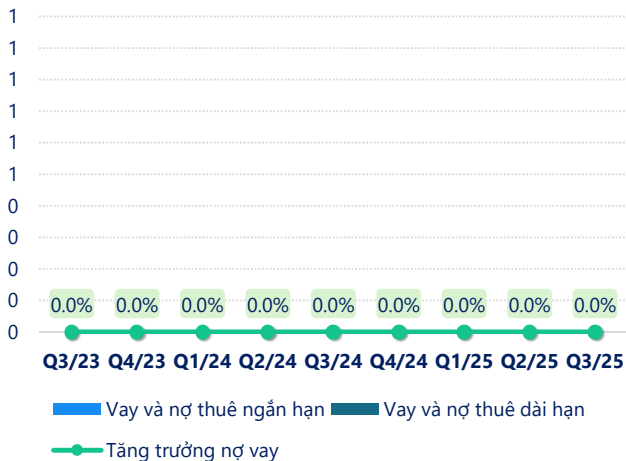
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

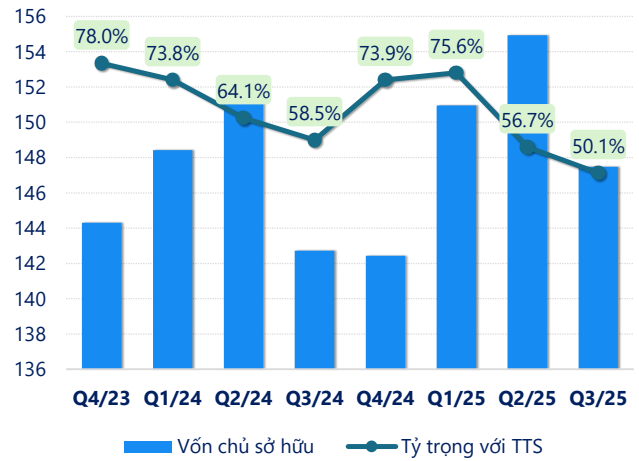
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



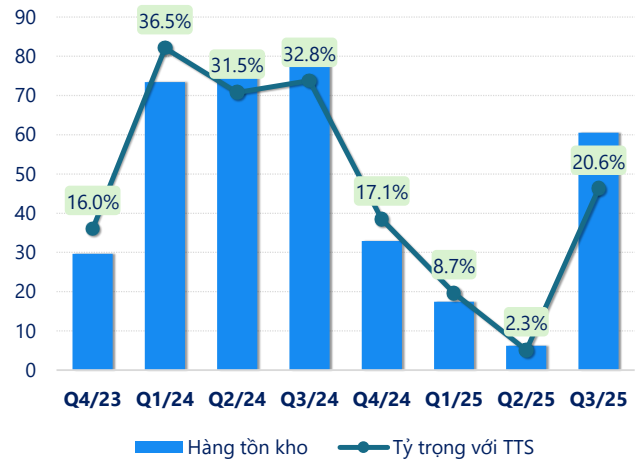
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

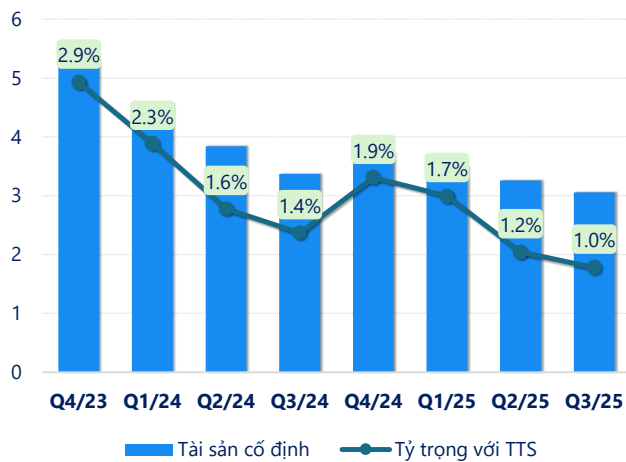

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


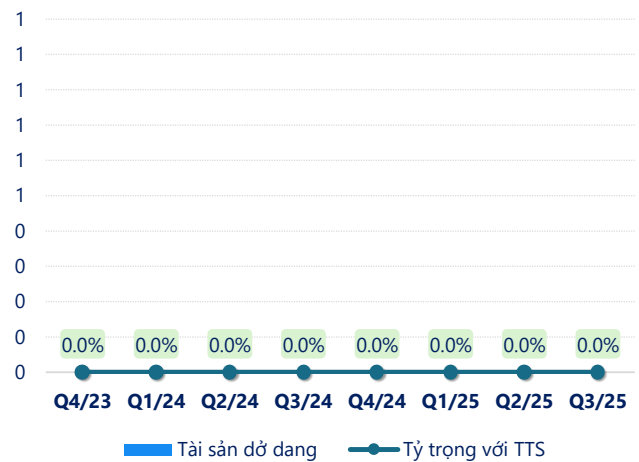
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

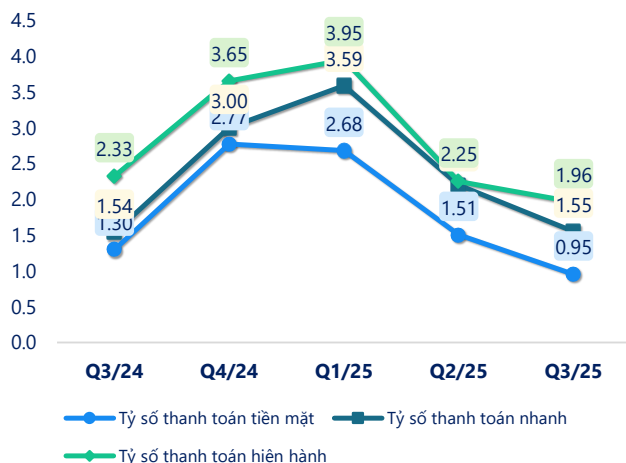
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

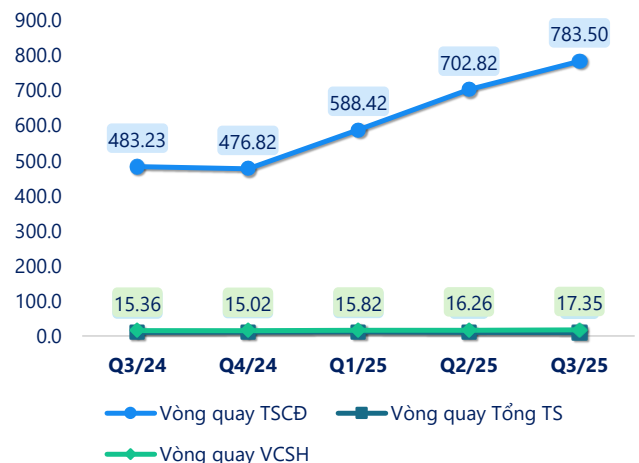
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	244	193	200	273	294
Tài sản ngắn hạn	236	184	192	267	289
Tiền và tương đương tiền	132	140	130	178	140
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	23.2	11.1	43.5	81.4	84.4
Hàng tồn kho	80.0	32.9	17.4	6.19	60.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.41	0.76	0.70	3.68
Tài sản dài hạn	8.44	8.60	7.61	6.64	5.91
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.11
Tài sản cố định	3.37	3.72	3.49	3.26	3.06
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.00	4.81	4.04	3.31	2.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	101	50.4	48.6	119	147
Nợ ngắn hạn	101	50.4	48.6	119	147
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.68	17.6	2.45	4.45	36.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	143	142	151	155	147
Vốn chủ sở hữu	143	142	151	155	147
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)